TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST Ngày: 15/6/2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Oanh;
Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Y, sinh năm 1994.

Nơi thường trú: Số nhà 12/164 phố Lò C, phường Trường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 173 đường Duy T, phường Nam N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức Ng, sinh năm 1990.

Nơi thường trú: Số nhà 12/164 phố Lò C, phường Trường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Đức N kết hôn với nhau năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường T, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn của vợ chồng chị căng thẳng nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đức N.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Đỗ Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/2017. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 16/3/2023, chị Y đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án có quyết định cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu Ng vẫn do chị chăm sóc và nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Chị có thu nhập và chỗ ở ổn định.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định tố tụng cho anh Đỗ Đức N nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Y thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị vì anh N không có công việc ổn định còn hiện nay chị làm thợ may có thu nhập ổn định 8.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa, việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Ngô Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đỗ Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị Y, anh N.

[3] Về hôn nhân: Chị Y và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của anh chị căng thẳng nhất từ năm 2018, chị Y và anh N đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp chứng tỏ anh cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: quá trình chị Y và anh N sinh sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Lấy lời khai của người làm chứng là bà Cao Thị L (mẹ đẻ của anh N), bà L cung cấp: sau khi chị Y và N kết hôn thì anh chị sống cùng với gia đình bà, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn của anh N và chị Y cũng được gia đình bà khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn của chị Y và anh N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4]. Về con chung*:* Chị Y và anh N có một con chung là cháu Đỗ Thị Thanh N, sinh ngày 01/8/2017. Ly hôn chị Y đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Kể từ khi chị Y và anh N sống ly thân cho đến nay cháu N sống cùng với mẹ, chị Y vẫn nuôi dạy, chăm sóc cháu bảo đảm tốt về mọi mặt. Hiện nay chị Y có thu nhập và chỗ ở ổn định. Tòa án đã triệu tập anh N để lấy lời khai về việc tranh chấp nuôi con cũng như triệu tập anh N đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tuy nhiên anh N không có mặt để làm việc, cũng không có văn bản ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung của chị Y có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Y được ly hôn anh Đỗ Đức N.

Về con chung: Chị Y và anh N có một con chung là cháu Đỗ Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/2017. Ly hôn giao cháu Ng cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y.

Anh Đỗ Đức N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002844 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị Y đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P. Trường T, TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương